

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-PT

Ngày 29 -3 - 2018

V/v “Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Thẩm phán:

Ông Phan Quyết Thắng

Ông Nguyễn Vũ Đông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương - cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “ Hôn nhân và gia đình ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐ-HPT giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tình, sinh 1969 Có mặt

Địa chỉ: Cụm 4- Hiệp Thuận- Phúc thọ – Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: **Bà Bùi Thị Hải Lưu** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà nội.
Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Phú Cường sinh 1964 Có mặt

Địa chỉ: : Cụm 4- Hiệp Thuận- Phúc Thọ – Hà Nội .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Cụ Đỗ Thị Xoa sinh năm 1927 (Mẹ ông Cường)

2.Chị Nguyễn Thị Quyên sinh năm 1991.

3.Anh Nguyễn Phú Tuấn sinh năm 2005.

4.Ông Nguyễn Phú Thịnh sinh năm 1959.

5.Bà Hà Thị Mai sinh năm 1962.

Đều Ở Địa chỉ: : Cụm 4- Hiệp Thuận- Phúc Thọ – Hà Nội

6.Chị Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1993

Giám hộ cho chị Hồng là bà Hoàng Thị Tình

Người kháng cáo: **Bà Hoàng Thị Tình** là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác nguyên đơn bà Hoàng thị Tình trình bày:

Bà kết hôn với ông Cường ngày 05/12/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Thuận- Phúc Thọ- Hà Tây (Nay là Hà Nội). Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm không còn bà xin được ly hôn ông Cường

Về con chung: Ông bà có ba con chung là Chị Nguyễn Thị Quyên sinh năm 1991,Chị Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1993,Anh Nguyễn Phú Tuấn sinh năm 2005. Chị Quyên đã trưởng thành và phát triển bình thường. Chị Hồng thì bị bệnh thần kinh, anh Tuấn còn nhỏ. Nay ly hôn bà xin nuôi hai con là Hồng và Tuấn và yêu cầu ông Cường đóng góp nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung:

Về đồ dùng sinh hoạt trong gia đình có một số đồ dùng sinh hoạt bà đề nghị chia đôi.

Về bất động sản: Có một nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng năm 1996 trên 193 m2 đất có nguồn gốc của bố mẹ ông Cường. Hiện đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Cường, bà đề nghị được chia nhà đất để mẹ con bà có chỗ ở. Về nhà đất

hiện mẹ con bà đang ở là tài sản riêng của bà vì tài sản này có sau khi bà sống ly thân với ông Cường.

Về đất nông nghiệp: Có 1248 m² đất nông nghiệp tiêu chuẩn của ông Cường, bà, chị Quyên, chị Hồng. Năm 2009 ông Cường đã bán 360 m² đất cho ông Thịnh bà Mai với giá 70.000.000 đồng. Ông Cường đã ép bà và các con ký bán, tiền ông Cường sử dụng không cho mẹ con bà đồng nào. Năm 2014 lúc đó bà đang ở Ả Rập thì ngày 08/10/2014 ông Cường đã ép chị Quyên ký giấy bán 240 m² đất bãi với giá 40.000.000 đồng cho ông Thịnh bà Mai không có chữ ký và sự đồng ý của bà và các con khác.

Nay bà yêu cầu hủy hai hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên để trả đất cho mẹ con bà sử dụng về tiền bán đất ông Cường đã sử dụng phải có trách nhiệm trả, khi bán đất ông Cường có cho chị Quyên 5.000.000 đồng nay chị Quyên ủy quyền cho bà trả cho ông Cường.

Bị đơn ông Nguyễn Phú Cường trình bày: Nhất trí với lời trình bày của bà Tình về quá trình kết hôn và chung sống. Nay ông đồng ý ly hôn bà Tình.

Về con chung: Có ba con chung như bà Tình trình bày nay ly hôn ông xin được nuôi hai con là Hồng và Tuấn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng hiện cũng bị hỏng do cháu Hồng bị thần kinh đập phá. Bà Tình yêu cầu chia ông đồng ý.

Về nhà đất hiện ông được cấp sổ đỏ là nhà của bố mẹ ông, vợ chồng ông chỉ có công sửa chữa nay ông không đồng ý chia nhà đất cho bà Tình chỉ đồng ý thanh toán công sức.

Về đất nông nghiệp: Năm 2009 vợ chồng và các con có thống nhất bán 360 m² đất nông nghiệp với giá 70.000.000 đồng tiền này bà Tình quản lý chi tiêu.

Năm 2014 bà Tình bỏ nhà đi nước ngoài ông ở nhà đã bàn với con gái là Quyên bán 240 m² đất nông nghiệp được 40.000.000 đồng ông cho cháu Quyên 5.000.000 đồng số tiền còn lại ông dùng để chữa bệnh cho cháu Hồng. Ông không đồng ý hủy hai hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Thịnh bà Mai trình bày: Ông bà có mua hai lần đất nông nghiệp của ông Cường bà Tình, lần thứ nhất mua 360 m² cả gia đình ông Cường đều ký ông bà đề nghị được công nhận hợp đồng mua bán. Lần thứ hai mua 240 m² khi đó bà Tình bỏ nhà đi nay bà Tình yêu cầu hủy hợp

đồng mua bán chuyển nhượng này ông bà đồng ý trả và yêu cầu ông Cường bà Tình trả cho ông bà 294.000.000 đồng là tiền đồ đất duy tu cải tạo và tiền mua đất.

Chị Nguyễn Thị Quyên có yêu cầu đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng diện tích 240 m² trả lại đất cho mẹ con chị vì bố chị ép chị ký bán đất.

Cụ Xoa ủy quyền cho ông Nguyễn Phú Khôi không đồng ý chia nhà đất cho bà Tình.

Tại bản án số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã xử và quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 59, 62, 43, 81, 82, 33, 35, 37, 62, 38, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 109, 122, 127, 137 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điều 11 pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH 12;

+ Xử: Bà Hoàng Thị Tình được ly hôn ông Nguyễn Phú Cường. Quan hệ hôn nhân giữa bà Tình và ông Cường chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1993 (bị tâm thần) cho bà Tình trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Giao cháu Nguyễn Phú Tuấn sinh ngày 17/12/2005 cho ông Cường trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản; công sức: Giao cho ông Cường được sử dụng thửa đất số 55 tờ bản đồ số 2, diện tích 193m², đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO451473, sổ vào sổ CH01193 ngày 31/10/2013 cấp cho ông Nguyễn Phú Cường. Ông Cường được sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất gồm: Một ngôi nhà cấp 4 diện tích 48,5m² lợp ngói; Một bếp lợp ngói sông cầu diện tích 13,5m²; Một nhà vệ sinh lợp tôn diện tích 4.2m²; Sân gạch diện tích 48,5m² + đất đổ nền sân; Bể nước + Bể lọc nước; 02 cây nhang; Mái tôn diện tích 10,2m²; 02 cây cau; 01 xe máy Wave BKS: 29L9-2532, 01 tivi Panasonic đã cũ; 01 quạt cây; 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ.

Giao cho bà Tình sở hữu sử dụng: 01 ngôi nhà cấp 4 mái tôn diện tích 14m²; 01 bếp + khu chăn nuôi bán mái lợp proximãng diện tích 19,8m²; 01 cây hương; 01 bể nước 1m³; 06 cột bê tông; 01 təc nước Tân Á.

(Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 mái tôn diện tích 14m²; 1 bếp + khu chăn nuôi bán mái lợp pro xi mãng diện tích 19,8m², 01 cây hương; 01 bể nước 1m³ là tài sản được xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nên bà Tình được giao sử dụng song phải có nghĩa vụ tháo dỡ khi có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu)

Ông Cường phải thanh toán trả bà Tình số tiền công sức và giá trị tài sản là 23.574.000 đ

Về đất nông nghiệp: Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Quyên và yêu cầu của bà Hoàng Thị Tình tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đã ký kết giữa ông Cường, chị Quyên, chị Hồng với vợ chồng ông Nguyễn Phú Thịnh và bà Hà Thị Mai đối với 10 thước đất bãi (240m²) tại đồng Thấp Dậy được lập ngày 13/12/2014 là vô hiệu.

Buộc ông Cường phải thanh toán trả ông Thịnh bà Mai số tiền nhận chuyển nhượng và tiền giá trị 15 xe đất đỏ + 9 cây bưởi = 38.000.000đ, chị Quyên phải thanh toán trả ông Thịnh, bà Mai số tiền 5.000.000đ, ông Thịnh bà Mai phải trả lại ông Cường 240m² đất nông nghiệp đã nhận chuyển nhượng.

Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị Tình về việc đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đã kí kết giữa bà Tình, ông Cường, chị Quyên, chị Hồng với vợ chồng ông Nguyễn Phú Thịnh và bà Hà Thị Mai đối với 360m² đất bãi tại đồng Thấp Dậy được lập ngày 19/5/2010.

Giao cho ông Nguyễn Phú Cường được sử dụng 240m² đất bãi tại đồng Thấp Dậy ở vị trí đã chuyển nhượng cho ông Thịnh bà Mai thuộc thửa số 738 (6), tờ bản đồ số 03, có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đất giao cho bà Tình, chị Hồng, chị Quyên dài 43m, phía Nam giáp đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú Thịnh dài 43,4m, phía Đông giáp đất các hộ dân cụm 4 dài 5,6m, phía Tây giáp đường đi dài 5,6m.

Giao cho Bà Tình, chị Quyên, chị Hồng được sử dụng diện tích đất bãi còn lại tại đồng Thấp Dậy thuộc thửa số 738 (6), tờ bản đồ số 03, có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Kim Hạ, phía Nam giáp đất giao cho ông Cường, phía Đông giáp đất các hộ dân cụm 4, phía Tây giáp đường đi. Trong

đó phần đất bãi của bà Tình, chị Quyên mỗi người còn 141m², chị Hồng còn 366m²;

Giao cho ông Cường được sử dụng diện tích đất đồng tại vùng 5 thửa số 6, tờ bản đồ SD66 có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đường đi có chiều dài 4m, phía Nam giáp đất bà Tình, chị Quyên dài 4m, phía Đông giáp đất bà Tình, chị Quyên dài 49,5m. Phía Tây giáp đất ông Đình Công Lý dài 49,5m. Tổng diện tích = 198m².

Giao cho bà Tình, chị Quyên được sử dụng diện tích đất toàn bộ diện tích đất đồng thuộc vùng 7, số thửa 43, tờ bản đồ SD66 diện tích 136.8m² và diện tích đất đồng còn lại thuộc vùng 5, tại thửa số 6, tờ bản đồ SD66 diện tích 385.2 m². Trong đó phần của bà Tình được 297m², chị Quyên được 225m² (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án bà Hoàng thị Tình kháng cáo về con chung và về tài sản chung.

Tại phiên tòa: Bà Tình vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo bà đề nghị tòa án sửa bản án sơ thẩm giao con là Tuấn cho bà nuôi. Về tài sản: Bà yêu cầu ông Cường phải chia nhà đất cho mẹ con bà, không đồng ý xác định phần tài sản tại đất bãi là tài sản chung, yêu cầu hủy việc bán 360 m² đất nông nghiệp. Về đồ dùng tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến chiếc xe máy ông Cường đang đi, một tủ bích phê, một chiếc xe cải tiến ông Cường đã bán là tài sản chung vợ chồng bà đề nghị được chia những tài sản này.

Ông Cường có lời khai không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Tình đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp của bà Tình tại thời điểm hai bên giao kết pháp luật đất đai cấm mua bán chuyển nhượng do đó cần phải hủy. Để giải quyết triệt để vụ án đề nghị hủy về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và kiểm sát viên; sau khi nghị án; Hội đồng xét xử xét thấy:

Về con chung: Bà Tình kháng cáo yêu cầu xin được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng sinh 08/8/1993 và cháu Nguyễn Phú Tuấn sinh 17/12/2005. Về cấp dưỡng nuôi con bà Tình yêu cầu ông Cường phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy cháu Hồng hiện đang bị bệnh nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Bản án sơ thẩm đã giao cháu cho bà Tình nuôi là có căn cứ. Cháu Tuấn là con trai cần sự giáo dục của bố nên bản án sơ thẩm giao cháu cho ông Cường nuôi là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tình. Cần bác kháng cáo của bà Tình giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về tài sản chung:

Đối với nhà đất tại thửa số 55 tờ bản đồ số 2 diện tích 193 m² có nguồn gốc là của bố mẹ ông Cường hiện đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Phú Cường ngày 31/10/2013. Quá trình ông Cường bà Tình ở tại nhà đất này có công sức sửa chữa tôn tạo bản án sơ thẩm đã tính công sức của ông bà và chia cho bà Tình là có căn cứ. Bà Tình kháng cáo cho rằng đây là tài sản chung vợ chồng và yêu cầu chia nhà để bà lấy nơi ở, kháng cáo của bà Tình không có cơ sở nên cần bác kháng cáo của bà Tình.

Đối với nhà bà Tình đang ở: Xét thấy nhà này bà Tình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nên bản án sơ thẩm không xác định là tài sản chung vợ chồng và không tính công sức để chia, bản án sơ thẩm chỉ xác định một tấc dựng nước giá trị 1.000.000 đồng do bà Tình mua trong thời kỳ hôn nhân hiện đang để tại nhà đất bà Tình quản lý là tài sản chung vợ chồng là có căn cứ.

Đối với đất nông nghiệp:

Quá trình sử dụng đất nông nghiệp ngày 19/5/2010 ông Cường bà Tình cùng các con có chuyển nhượng cho ông Thịnh bà Mai 360 m² đất tại Đồng Thấp Dã y. Ông Thịnh bà Mai đã nhận đất và trả tiền cho ông Cường bà Tình. Nay bà Tình cho rằng bà bị ép ký bán nên bà yêu cầu hủy trả lại đất cho bà. Xét thấy việc mua bán diễn ra trong thời kỳ hôn nhân các thành viên trong gia đình đều ký bán đất. Bà Tình cho rằng bị ép ký nhưng cũng không có văn bản nào gửi các cơ quan có

thẩm quyền để phản đối về việc trên. Như vậy việc bà Tình im lặng được cho là bà đã đồng tình với việc bán đất. Tiền ông bà đã nhận đất đã giao nên không có căn cứ để hủy hợp đồng chuyển nhượng.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS cho rằng hợp đồng chuyển nhượng vi phạm về hình thức nên cần phải hủy và đề nghị hủy án sơ thẩm về phần này. Quan điểm của VKS không phù hợp nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Tình cần bác kháng cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với kháng cáo của bà Tình về đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bà Tình cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến chiếc xe cải tiến và chiếc tủ bích phê. Xét thấy đối với chiếc xe cải tiến bản án sơ thẩm đã xác định ông Cường bán với giá 1.000.000 đồng và buộc ông Cường phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Tình. Đối với tủ bích phê ông Cường đã bán cho ông Thung từ 20 năm trước, khi đó vợ chồng ông Cường bà Tình vẫn đang chung sống với nhau, bà Tình không có ý kiến gì nên nay không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bà Tình. Bác kháng cáo của bà Tình giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

Những quyết định không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Tình, ông Cường, chị Quyên, chị Hồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308- BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 58,59,61,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326 về án phí lệ phí tòa án;

Xử: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ- Thành Phố Hà Nội và xử như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hoàng Thị Tình. Bà Hoàng Thị Tình được ly hôn ông Nguyễn Phú Cường.

2.Về con chung: Xác định ông Cường, bà Tình có ba con chung là *Chị Nguyễn Thị Quyên* sinh năm 1991, *Chị Nguyễn Thị Hồng* sinh năm 1993, *Anh Nguyễn Phú*

Tuấn sinh năm 2005. Chị Quyên đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không phải xét.

Giao cho bà Hoàng Thị Tình trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục chị Nguyễn Thị Hồng sinh 1993.

Giao cho ông Nguyễn Phú Cường trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục anh Nguyễn Phú Tuấn sinh 2005.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm hỏi chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản; công sức: Giao cho ông Cường được sử dụng thửa đất số 55 tờ bản đồ số 2, diện tích $193m^2$, đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO451473, sổ vào sổ CH01193 ngày 31/10/2013 cấp cho ông Nguyễn Phú Cường. Ông Cường được sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất gồm: Một ngôi nhà cấp 4 diện tích $48,5m^2$ lợp ngói; Một bếp lợp ngói song cầu diện tích $13,5m^2$; Một nhà vệ sinh lợp tôn diện tích $4,2m^2$; Sân gạch diện tích $48,5m^2$ + đất đổ nền sân; Bể nước + Bể lọc nước; 02 cây nhang; Mái tôn diện tích $10,2m^2$; 02 cây cau; 01 xe máy Wave BKS: 29L9-2532, 01 tivi Panasonic đã cũ; 01 quạt cây; 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ.

Giao cho bà Tình sở hữu sử dụng: 01 ngôi nhà cấp 4 mái tôn diện tích $14m^2$; 01 bếp + khu chăn nuôi bán mái lợp proximăng diện tích $19,8m^2$; 01 cây hương; 01 bể nước $1m^3$; 06 cột bê tông; 01 téc nước Tân Á.

(Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 mái tôn diện tích $14m^2$; 1 bếp + khu chăn nuôi bán mái lợp proximăng diện tích $19,8m^2$, 01 cây hương; 01 bể nước $1m^3$ là tài sản được xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp nên bà Tình được giao sử dụng song phải có nghĩa vụ tháo dỡ khi có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu)

Ông Cường phải thanh toán trả bà Tình số tiền công sức và giá trị tài sản là 23.574.000 đ

Về đất nông nghiệp: Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Quyên và yêu cầu của bà Hoàng Thị Tình tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đã ký kết giữa ông Cường, chị Quyên, chị Hồng với vợ chồng ông Nguyễn Phú Thịnh và bà Hà Thị Mai đối với 10 thước đất bãi ($240m^2$) tại đồng Thấp Dậy được lập ngày 13/12/2014 là vô hiệu.

Buộc ông Cường phải thanh toán trả ông Thịnh bà Mai số tiền nhận chuyển nhượng và tiền giá trị 15 xe đất đỏ + 9 cây bưởi = 38.000.000đ, chị Quyên

phải thanh toán trả ông Thịnh, bà Mai số tiền 5.000.000đ, ông Thịnh bà Mai phải trả lại ông Cường 240m² đất nông nghiệp đã nhận chuyển nhượng.

Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị Tình về việc đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đã kí kết giữa bà Tình, ông Cường, chị Quyên, chị Hồng với vợ chồng ông Nguyễn Phú Thịnh và bà Hà Thị Mai đối với 360m² đất bãi tại đồng Thấp Dậy được lập ngày 19/5/2010.

Giao cho ông Nguyễn Phú Cường được sử dụng 240m² đất bãi tại đồng Thấp Dậy ở vị trí đã chuyển nhượng cho ông Thịnh bà Mai thuộc thửa số 738 (6), tờ bản đồ số 03, có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đất giao cho bà Tình, chị Hồng, chị Quyên dài 43m, phía Nam giáp đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú Thịnh dài 43,4m, phía Đông giáp đất các hộ dân cụm 4 dài 5,6m, phía Tây giáp đường đi dài 5,6m.

Giao cho Bà Tình, chị Quyên, chị Hồng được sử dụng diện tích đất bãi còn lại tại đồng Thấp Dậy thuộc thửa số 738 (6), tờ bản đồ số 03, có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Kim Hạ, phía Nam giáp đất giao cho ông Cường, phía Đông giáp đất các hộ dân cụm 4, phía Tây giáp đường đi. Trong đó phần đất bãi của bà Tình, chị Quyên mỗi người còn 141m², chị Hồng còn 366m²;

Giao cho ông Cường được sử dụng diện tích đất đồng tại vùng 5 thửa số 6, tờ bản đồ SD66 có ranh giới và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đường đi có chiều dài 4m, phía Nam giáp đất bà Tình, chị Quyên dài 4m, phía Đông giáp đất bà Tình, chị Quyên dài 49,5m. Phía Tây giáp đất ông Đinh Công Lý dài 49,5m. Tổng diện tích = 198m².

Giao cho bà Tình, chị Quyên được sử dụng diện tích đất toàn bộ diện tích đất đồng thuộc vùng 7, số thửa 43, tờ bản đồ SD66 diện tích 136.8m² và diện tích đất đồng còn lại thuộc vùng 5, tại thửa số 6, tờ bản đồ SD66 diện tích 385.2 m². Trong đó phần của bà Tình được 297m², chị Quyên được 225m² (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Tình ông Cường, chị Quyên chị Hồng. Hoàn trả bà Tình 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 006208 ngày 15/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành về phần tiền thanh toán thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 29/03/2018.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ndtp. Hà Nội
- Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ
- Chicục THADS. Quận huyện Phúc Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà